

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS- ST

Ngày: 11/6/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Trần Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 11/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST- DS, ngày 20 tháng 03 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Lê Văn H, sinh năm: 1979

Chị Lê Thị T, sinh năm: 1978

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn B L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình T1- Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Anh T1 và chị N là bạn với gia đình anh. Vào ngày 20/08/2022 (âm lịch) tức ngày

15/09/2022 (dương lịch) khi vợ chồng anh T1 và chị N hỏi vay tiền để làm ăn thì vợ chồng anh đồng ý cho vợ chồng anh T1 và chị N vay. Số tiền vợ, chồng anh cho anh T1 và chị N vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn vay tối đa là 1 năm hoặc đến khi nào cần vợ, chồng anh đòi thì vợ chồng anh T1 và chị N sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc nói trên. Tiền lãi anh T1 và chị N sẽ thanh toán theo tháng.

Tuy nhiên quá hạn đã lâu, nhưng vợ chồng anh T1 và chị N không trả cả gốc cả lãi dù anh, chị đã đòi nhiều lần. Đến năm 2023, chị N mất do bệnh nặng. Do chị N đã chết nên anh yêu cầu anh T1 và con trai của anh T1 và chị N là anh Phạm Đình T2 có trách nhiệm trả cho vợ, chồng anh toàn bộ tiền gốc và tiền nợ lãi theo thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án do giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất được trách nhiệm trả nợ thuộc về anh T1. Do đó nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là rút yêu cầu buộc anh Nguyễn Đình T3 phải trả nợ cùng anh T1.

Đến nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Đình T1 thanh toán cho vợ, chồng anh số tiền như sau: Nợ gốc: 100.000.000 đồng. Đồng thời, anh H còn yêu cầu anh T1 phải trả số tiền lãi tính từ ngày vay (ngày 15/9/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) với lãi suất 1,5%/tháng.

Tiền lãi tính từ ngày vay (ngày 15/9/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) là 20 tháng 27 ngày. Khoản này bằng $100.000.000đ \times 1,5\% \times 20 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 31.350.000 \text{ đ}$ (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh H tiếp tục yêu cầu anh T1 phải trả lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo thỏa thuận là 1.5%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại văn bản ghi ý kiến và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đình T1 trình bày:

Vợ anh là Bùi Thị N1 có vay của gia đình anh H số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi vay tiền anh không nhận tiền và cũng không được biết khoản vay này. Đến ngày 15/09/2022 anh H chị T có đến hỏi nợ thì anh mới biết. Sau đó anh và vợ anh có ký vào giấy vay tiền do thời điểm đó vợ anh đang mắc bệnh hiểm nghèo sợ ảnh hưởng đến sức khỏe tính mạng của vợ nên anh đã ký vào giấy vay tiền của anh H đưa. Nhưng trên thực tế anh không được biết cũng như không được sử dụng khoản tiền này. Đến nay, anh H chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh phải trả cả tiền gốc và lãi theo giấy vay tiền. Anh có ý kiến như sau: Do anh đã ký vào giấy vay nợ nên anh sẽ có trách nhiệm trả tiền vay mà vợ chồng anh ký cho anh H. Đến nay, vợ anh đã chết một mình anh sẽ nhận trách nhiệm trả tiền cho anh H không có yêu cầu ai trong gia đình phải trả nợ cùng với anh. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vợ mới chết, anh còn phải

nuôi con đang ăn học nên anh không thể trả 1 lần số tiền gốc và lãi được. Anh đề nghị sẽ trả cho anh H và chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh H, chị T và anh T1 đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do anh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Việc anh Phạm Đình T1 và chị Nguyễn Thị N2 vay tiền của anh Lê Văn H, chị Lê Thị T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà anh H, chị T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, thời hạn trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là anh T1 và chị N2. Việc này, bản thân anh T1 cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu anh Phạm Đình T1 và anh Phạm Đình T2 là con trai của anh T1 và chị N2 phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho anh H và chị T. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án thì giữa Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận được trách nhiệm trả nợ thuộc về một mình anh T1. Do đó nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu anh Phạm Đình T2 trả nợ cùng anh T1. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện không vi phạm điều cấm đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này.

[4]. Trong giấy vay tiền ngày 15/9/2022, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 1 năm hoặc khi nào cần gia đình anh T1 sẽ trả nợ. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết chị N2 bị bệnh đã chết, anh H và chị Thương yêu cầu anh T1 phải trả số tiền gốc là 100.000.000đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh T1 cũng đồng ý một mình anh nhận trách nhiệm trả nợ cho anh H, chị T. Xét thấy yêu cầu của anh H và chị T là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 15/9/2022 hai bên thỏa thuận với nhau mức lãi suất là 1,5%/tháng. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật do đó yêu cầu tính lãi suất của anh H và chị T được chấp nhận. Thời điểm tính lãi suất từ ngày vay (ngày 15/9/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) là 20 tháng 27 ngày. Khoản này bằng $100.000.000đ \times 1,5\% \times 10 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 31.350.000đ$.

[6]. Đối với yêu cầu của anh H, chị T buộc anh T1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, yêu cầu của anh H và chị T là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của anh H và chị T

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh H và chị T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T1 phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc anh Phạm Đình T1 phải trả cho anh Lê Văn H và chị Lê Thị T tổng số tiền là 131.350.000đ (Một trăm ba mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) là 31.350.000đ (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 11/6/2024), anh T1 phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 1.5%/tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Anh Phạm Đình T1 phải chịu 6.567.500đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Lê Văn H và chị Lê Thị T số tiền là 3.137.500đ (Ba triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002263 ngày 18/3/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

